|  |  |
| --- | --- |
|  **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**Số: /2022/TT-NHNN | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 2022* |

**DỰ THẢO**

**THÔNG TƯ**

**Quy định về tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của Công ty**

**Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam; Nghị định số 34/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2015 và Nghị định số 18/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam* (*sau đây gọi là Nghị định số 53/2013/NĐ-CP);*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

1. **Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về tái cấp vốn bằng đồng Việt Nam của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) đối với tổ chức tín dụng trên cơ sở trái phiếu đặc biệt do Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành (sau đây gọi là trái phiếu đặc biệt) theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

1. **Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức tín dụng Việt Nam theo quy định tại Nghị định số 53/2013/NĐ-CP sở hữu trái phiếu đặc biệt (sau đây gọi là tổ chức tín dụng).

2. Các tổ chức có liên quan đến việc tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt đối với tổ chức tín dụng.

1. **Mục đích tái cấp vốn**

Ngân hàng Nhà nước tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt nhằm hỗ trợ nguồn vốn hoạt động của tổ chức tín dụng trong quá trình xử lý nợ xấu theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP.

**Chương II**

**QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

1. **Tiêu chuẩn trái phiếu đặc biệt làm cơ sở tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn**

Trái phiếu đặc biệt tại Bảng kê trái phiếu đặc biệt làm cơ sở tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn sau:

1. Trái phiếu đặc biệt thuộc sở hữu hợp pháp của tổ chức tín dụng, đang được lưu ký tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước.

2. Không phải là trái phiếu đặc biệt đang trong quá trình thanh toán hoặc xem xét gia hạn thời hạn.

3. Tại ngày tổ chức tín dụng lập Bảng kê trái phiếu đặc biệt làm cơ sở tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn và ngày tổ chức tín dụng cập nhật Bảng kê trái phiếu đặc biệt theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư này, thời hạn còn lại của trái phiếu đặc biệt dài hơn thời hạn đề nghị tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn tối thiểu 6 tháng.

1. **Điều kiện tái cấp vốn**

Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định tái cấp vốn đối với tổ chức tín dụng đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Tổ chức tín dụng không trong thời gian: Bị áp dụng can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt hoặc bị xử lý vi phạm theo quy định tại Điều 15 Thông tư này.

2. Tổ chức tín dụng trích lập đầy đủ dự phòng rủi ro theo quy định tại Nghị định số 53/2013/NĐ-CP và quy định của Ngân hàng Nhà nước đối với tất cả trái phiếu đặc biệt do tổ chức tín dụng đang sở hữu trong vòng 12 tháng liền kề trước ngày tổ chức tín dụng có Giấy đề nghị vay tái cấp vốn.

3. Tổ chức tín dụng tuân thủ các tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định tại khoản 1 Điều 130 Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung) và quy định của Ngân hàng Nhà nước trong vòng 12 tháng liền kề trước ngày tổ chức tín dụng có Giấy đề nghị vay tái cấp vốn.

4. Trái phiếu đặc biệt làm cơ sở tái cấp vốn đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 4 Thông tư này.

1. **Số tiền tái cấp vốn**

Số tiền tái cấp vốn tối đa đối với tổ chức tín dụng được xác định như sau:

Trong đó:

ST là số tiền tái cấp vốn tối đa.

TL là tỷ lệ tái cấp vốn được xác định theo quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

MG là tổng mệnh giá trái phiếu đặc biệt làm cơ sở tái cấp vốn.

DPRR là tổng số dự phòng rủi ro tổ chức tín dụng đã trích lập đối với trái phiếu đặc biệt làm cơ sở tái cấp vốn.

TN là tổng số thu hồi nợ xấu đối với trái phiếu đặc biệt làm cơ sở tái cấp vốn.

1. **Điều kiện gia hạn tái cấp vốn**

Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định gia hạn tái cấp vốn đối với tổ chức tín dụng đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Các điều kiện quy định tại khoản 1, 2 Điều 5 Thông tư này.

2. Gặp khó khăn về khả năng chi trả.

3. Trái phiếu đặc biệt làm cơ sở gia hạn tái cấp vốn đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 4 Thông tư này và tổng mệnh giá trái phiếu đặc biệt làm cơ sở gia hạn tái cấp vốn phải đảm bảo:

Trong đó:

MG là tổng mệnh giá trái phiếu đặc biệt làm cơ sở gia hạn tái cấp vốn.

ST là số tiền tổ chức tín dụng đề nghị gia hạn tái cấp vốn.

TL là tỷ lệ gia hạn tái cấp vốn dụngđược xác định theo quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

DPRR là tổng số dự phòng rủi ro tổ chức tín dụng đã trích lập đối với trái phiếu đặc biệt làm cơ sở gia hạn tái cấp vốn.

TN là tổng số thu hồi nợ xấu đối với trái phiếu đặc biệt làm cơ sở gia hạn tái cấp vốn.

1. **Lãi suất**

1. Lãi suất tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt là lãi suất cho vay tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt do cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định tại Nghị định số 53/2013/NĐ-CP tại thời điểm khoản tái cấp vốn được giải ngân, gia hạn.

2. Lãi suất đối với nợ gốc tái cấp vốn quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn của khoản tái cấp vốn tại thời điểm khoản tái cấp vốn chuyển quá hạn.

3. Ngân hàng Nhà nước không áp dụng lãi suất đối với nợ lãi chậm trả của khoản tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt.

1. **Thời hạn tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn**

1. Thời hạn tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt do Ngân hàng Nhà nước quyết định, dưới 12 tháng và không vượt quá thời hạn còn lại của trái phiếu đặc biệt làm cơ sở tái cấp vốn.

2. Thời gian gia hạn tái cấp vốn mỗi lần do Ngân hàng Nhà nước quyết định, không vượt quá thời hạn tái cấp vốn và không vượt quá thời hạn còn lại của trái phiếu đặc biệt làm cơ sở gia hạn tái cấp vốn; tổng thời gian tái cấp vốn và gia hạn tái cấp vốn dưới 12 tháng.

1. **Hồ sơ đề nghị vay tái cấp vốn, gia hạn vay tái cấp vốn**

1. Hồ sơ đề nghị vay tái cấp vốn gồm:

a) Giấy đề nghị vay tái cấp vốn theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bảng kê trái phiếu đặc biệt làm cơ sở vay tái cấp vốn theo Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này (02 bản).

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn vay tái cấp vốn gồm:

a) Giấy đề nghị gia hạn vay tái cấp vốn theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bảng kê trái phiếu đặc biệt làm cơ sở gia hạn vay tái cấp vốn theo Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này (02 bản);

c) Báo cáo tình hình khó khăn về khả năng chi trả của tổ chức tín dụng.

3. Các tài liệu trong hồ sơ đề nghị phải được lập bằng tiếng Việt, do người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng ký; là bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu. Hồ sơ đề nghị được gửi bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

1. **Trình tự xem xét tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn**

1. Khi có nhu cầu vay tái cấp vốn hoặc gia hạn vay tái cấp vốn, tổ chức tín dụng gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị theo quy định tại Điều 10 Thông tư này tới Ngân hàng Nhà nước (Vụ Chính sách tiền tệ). Trường hợp đề nghị gia hạn vay tái cấp vốn, tổ chức tín dụng phải gửi hồ sơ đề nghị trước ngày đến hạn trả nợ tối thiểu 45 ngày làm việc. Trường hợp hồ sơ đề nghị của tổ chức tín dụng chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Ngân hàng Nhà nước (Vụ Chính sách tiền tệ) có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đề nghị.

2. Trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị của tổ chức tín dụng, Vụ Chính sách tiền tệ gửi hồ sơ lấy ý kiến Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước và Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (sau đây gọi là Công ty Quản lý tài sản).

3. Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Vụ Chính sách tiền tệ theo quy định tại khoản 2 Điều này:

a) Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước: Có ý kiến về việc tổ chức tín dụng đáp ứng hay không đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư này (trường hợp tổ chức tín dụng đề nghị vay tái cấp vốn) hoặc khoản 3 Điều 7 Thông tư này (trường hợp tổ chức tín dụng đề nghị gia hạn vay tái cấp vốn); Xác nhận Bảng kê số dư trái phiếu đặc biệt đang lưu ký tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước làm cơ sở tái cấp vốn hoặc gia hạn tái cấp vốn đối với tổ chức tín dụng theo Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này gửi Vụ Chính sách tiền tệ và Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng;

b) Công ty Quản lý tài sản: Có ý kiến về việc tổ chức tín dụng đáp ứng hay không đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư này (trường hợp tổ chức tín dụng đề nghị vay tái cấp vốn) hoặc khoản 3 Điều 7 Thông tư này (trường hợp tổ chức tín dụng đề nghị gia hạn vay tái cấp vốn); gửi Bảng kê trái phiếu đặc biệt làm cơ sở tái cấp vốn hoặc gia hạn tái cấp vốn đối với tổ chức tín dụng theo Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này tới Vụ Chính sách tiền tệ và Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.

4. Trong thời hạn tối đa 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến của Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước và Công ty Quản lý tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có ý kiến bằng văn bản gửi Vụ Chính sách tiền tệ về các nội dung:

a) Tổ chức tín dụng đáp ứng hay không đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 5 Thông tư này (trường hợp tổ chức tín dụng đề nghị vay tái cấp vốn) hoặc tại khoản 1, 2 Điều 7 Thông tư này (trường hợp tổ chức tín dụng đề nghị gia hạn vay tái cấp vốn);

b) Ý kiến cụ thể về tỷ lệ tái cấp vốn, tỷ lệ gia hạn tái cấp vốn theo quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này, thời hạn tái cấp vốn, thời gian gia hạn tái cấp vốn đối với tổ chức tín dụng.

5. Trong thời hạn tối đa 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến của các đơn vị theo quy định tại khoản 3, 4 Điều này, Vụ Chính sách tiền tệ tổng hợp, căn cứ mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ đề xuất xử lý đề nghị vay tái cấp vốn hoặc gia hạn vay tái cấp vốn của tổ chức tín dụng; trường hợp đề xuất chấp thuận, Vụ Chính sách tiền tệ gửi văn bản đính kèm dự thảo Quyết định tái cấp vốn hoặc dự thảo Quyết định gia hạn tái cấp vốn lấy ý kiến Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước và Công ty Quản lý tài sản.

6. Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị có ý kiến của Vụ Chính sách tiền tệ theo quy định tại khoản 5 Điều này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước và Công ty Quản lý tài sản có ý kiến bằng văn bản gửi Vụ Chính sách tiền tệ:

a) Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng: Có ý kiến đối với đề xuất xử lý của Vụ Chính sách tiền tệ và dự thảo Quyết định tái cấp vốn hoặc dự thảo Quyết định gia hạn tái cấp vốn đối với tổ chức tín dụng;

b) Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước: Cập nhật đến thời điểm gần nhất số liệu Bảng kê số dư trái phiếu đặc biệt của tổ chức tín dụng đang lưu ký tại Sở giao dịch làm cơ sở tái cấp vốn hoặc gia hạn tái cấp vốn theo Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này; Có ý kiến đối với dự thảo Quyết định tái cấp vốn hoặc dự thảo Quyết định gia hạn tái cấp vốn đối với tổ chức tín dụng;

c) Công ty Quản lý tài sản: Cập nhật đến thời điểm gần nhất Bảng kê trái phiếu đặc biệt làm cơ sở tái cấp vốn hoặc gia hạn tái cấp vốn đối với tổ chức tín dụng theo Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này; Có ý kiến đối với dự thảo Quyết định tái cấp vốn hoặc dự thảo Quyết định gia hạn tái cấp vốn đối với tổ chức tín dụng.

7. Trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Bảng kê trái phiếu đặc biệt do tổ chức tín dụng cập nhật theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư này, Vụ Chính sách tiền tệ gửi văn bản đính kèm Bảng kê trái phiếu đặc biệt cập nhật lấy ý kiến Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Công ty Quản lý tài sản theo quy định tại khoản 3, 4, 6 Điều này. Thời hạn xử lý của các đơn vị được tính từ ngày các đơn vị nhận được văn bản lấy ý kiến của Vụ Chính sách tiền tệ.

8. Trong thời hạn tối đa 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến của các đơn vị theo quy định tại khoản 4 hoặc khoản 6 Điều này, Vụ Chính sách tiền tệ tổng hợp, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, có Quyết định tái cấp vốn, Quyết định gia hạn tái cấp vốn (trường hợp đồng ý) hoặc có văn bản nêu lý do gửi tổ chức tín dụng (trường hợp không đồng ý); Quyết định tái cấp vốn, Quyết định gia hạn tái cấp vốn có kèm theo Bảng kê trái phiếu đặc biệt làm cơ sở tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn đối với tổ chức tín dụng.

1. **Trả nợ vay tái cấp vốn**

1. Khi khoản vay tái cấp vốn đến hạn, tổ chức tín dụng phải trả hết nợ gốc, lãi cho Ngân hàng Nhà nước.

2. Tổ chức tín dụng có thể trả trước hạn một phần hoặc toàn bộ nợ vay tái cấp vốn.

3. Nợ vay tái cấp vốn của tổ chức tín dụng phải được trả trước hạn trong các trường hợp sau:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc đầu quý tiếp theo, trên cơ sở nội dung thỏa thuận trả nợ thay của Công ty Quản lý tài sản và tổ chức tín dụng trong hợp đồng mua, bán nợ bằng trái phiếu đặc biệt, Công ty Quản lý tài sản sử dụng số tiền thu hồi nợ mà tổ chức tín dụng được hưởng trong quý từ khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt đang làm cơ sở tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn để trả nợ gốc vay tái cấp vốn của tổ chức tín dụng tại Ngân hàng Nhà nước, gửi thông báo bằng văn bản cho Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tín dụng về số tiền trả nợ theo từng trái phiếu đặc biệt;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày trái phiếu đặc biệt đang làm cơ sở tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn đến hạn thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản, tổ chức tín dụng phải trả trước hạn nợ (gốc và lãi) vay tái cấp vốn cho Ngân hàng Nhà nước. Số nợ gốc phải trả đối với từng trái phiếu đặc biệt được tính theo công thức sau:

PTi = MGi - ĐTi

Trong đó:

PTi là số nợ gốc vay tái cấp vốn phải trả đối với trái phiếu đặc biệt i.

MGi là mệnh giá trái phiếu đặc biệt i sau khi trừ dự phòng rủi ro và số thu hồi nợ xấu (số liệu tại Bảng kê trái phiếu đặc biệt kèm theo Quyết định tái cấp vốn hoặc Quyết định gia hạn tái cấp vốn);

ĐTi là số nợ gốc vay tái cấp vốn đã được trả trước hạn theo quy định tại điểm a Khoản này đối với trái phiếu đặc biệt i.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày trái phiếu đặc biệt không còn đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này, tổ chức tín dụng phải trả trước hạn nợ (gốc và lãi) vay tái cấp vốn cho Ngân hàng Nhà nước, số nợ gốc vay tái cấp vốn phải trả theo công thức quy định tại điểm b Khoản này;

d) Trường hợp tổ chức tín dụng có nhu cầu ngừng phong tỏa trái phiếu đặc biệt đang làm cơ sở tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn, tổ chức tín dụng phải trả trước hạn nợ (gốc và lãi) vay tái cấp vốn cho Ngân hàng Nhà nước, số nợ gốc vay tái cấp vốn phải trả theo công thức quy định tại điểm b Khoản này;

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Công ty Quản lý tài sản về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng mua, bán nợ bằng trái phiếu đặc biệt đang làm cơ sở tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn theo quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản, tổ chức tín dụng phải trả hết toàn bộ nợ gốc và lãi của khoản vay tái cấp vốn có trái phiếu đặc biệt bị đơn phương chấm dứt hợp đồng mua, bán nợ;

e) Trường hợp bị phát hiện có vi phạm theo quy định tại Điều 15 Thông tư này, tổ chức tín dụng phải trả hết nợ gốc và lãi của khoản vay tái cấp vốn có vi phạm cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản thông báo vi phạm theo quy định tại điểm c khoản 2, điểm a khoản 4 Điều 18 Thông tư này.

1. **Xử lý đối với việc tổ chức tín dụng không trả nợ đúng hạn**

1. Trường hợp tổ chức tín dụng không trả hết nợ đúng hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 12 hoặc không trả hết nợ theo quy định tại điểm đ, e khoản 3 Điều 12 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước thực hiện các biện pháp sau:

a) Chuyển khoản tái cấp vốn sang theo dõi quá hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về phương pháp tính và hạch toán thu, trả lãi trong hoạt động nhận tiền gửi và cho vay giữa Ngân hàng Nhà nước với tổ chức tín dụng; áp dụng lãi suất đối với nợ gốc tái cấp vốn quá hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này;

b) Thực hiện trích tài khoản tiền gửi của tổ chức tín dụng tại Ngân hàng Nhà nước sau khi có văn bản thông báo cho tổ chức tín dụng về việc trích tài khoản tiền gửi để thu hồi nợ;

c) Công ty Quản lý tài sản sử dụng số tiền thu hồi nợ mà tổ chức tín dụng được hưởng từ các khoản nợ xấu mua bằng trái phiếu đặc biệt để trả nợ vay tái cấp vốn cho Ngân hàng Nhà nước;

d) Yêu cầu tổ chức tín dụng trả nợ từ nguồn khác (nếu có).

2. Trường hợp tổ chức tín dụng không trả số tiền phải trả theo quy định tại điểm b, c khoản 3 Điều 12 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước thực hiện các biện pháp sau:

a) Áp dụng lãi suất bằng 150% lãi suất đang áp dụng đối với khoản tái cấp vốn trong khoảng thời gian từ ngày tiếp theo ngày tổ chức tín dụng phải trả đến ngày tổ chức tín dụng trả hết số nợ gốc không trả đúng theo quy định;

b) Thực hiện trích tài khoản của tổ chức tín dụng tại Ngân hàng Nhà nước sau khi có văn bản thông báo cho tổ chức tín dụng về việc trích tài khoản để thu hồi nợ;

c) Công ty Quản lý tài sản sử dụng số tiền thu hồi nợ mà tổ chức tín dụng được hưởng từ các khoản nợ xấu mua bằng trái phiếu đặc biệt để trả nợ vay tái cấp vốn cho Ngân hàng Nhà nước;

d) Yêu cầu tổ chức tín dụng trả nợ từ nguồn khác (nếu có).

1. **Chuyển khoản tái cấp vốn thành khoản cho vay đặc biệt**

Việc chuyển khoản tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt thành khoản cho vay đặc biệt thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.

1. **Xử lý vi phạm**

Trường hợp nhận được thông tin từ cơ quan có thẩm quyền hoặc qua công tác thanh tra, giám sát phát hiện tổ chức tín dụng cung cấp thông tin, số liệu không chính xác tại hồ sơ đề nghị vay tái cấp vốn, gia hạn vay tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt theo quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước không xem xét đề nghị vay tái cấp vốn, gia hạn vay tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của tổ chức tín dụng trong thời gian 01 năm tiếp theo kể từ ngày có văn bản thông báo vi phạm theo quy định tại điểm b khoản 2, điểm a khoản 4 Điều 18 Thông tư này và ngừng giải ngân theo tất cả Quyết định tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt (nếu có).

**Chương III**

**TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG VÀ CÁC ĐƠN VỊ THUỘC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

1. **Trách nhiệm của tổ chức tín dụng**

1. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác cho Ngân hàng Nhà nước các hồ sơ, tài liệu về việc tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của các hồ sơ, tài liệu, thông tin đã cung cấp.

2. Trong thời gian đề nghị vay tái cấp vốn, đề nghị gia hạn vay tái cấp vốn, cập nhật và gửi Ngân hàng Nhà nước (Vụ Chính sách tiền tệ) Bảng kê trái phiếu đặc biệt theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này khi có sự thay đổi số liệu trái phiếu đặc biệt tại Bảng kê trái phiếu đặc biệt; kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Vụ Chính sách tiền tệ) để dừng xem xét, xử lý tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn trong trường hợp tổ chức tín dụng không còn nhu cầu vay tái cấp vốn, gia hạn vay tái cấp vốn.

3. Thực hiện ký hợp đồng tái cấp vốn với Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt đối với tổ chức tín dụng.

4. Trả nợ vay tái cấp vốn theo quy định tại Thông tư này và hợp đồng tái cấp vốn.

5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày trả nợ vay tái cấp vốn trước hạn theo quy định tại điểm b, c, d khoản 3 Điều 12 Thông tư này, báo cáo theo Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư này gửi Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Công ty Quản lý tài sản, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Chính sách tiền tệ.

1. **Trách nhiệm của Công ty Quản lý tài sản**

1. Có ý kiến về việc tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt theo quy định tại Thông tư này.

2. Theo dõi các trái phiếu đặc biệt làm cơ sở tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn trên cơ sở danh mục trái phiếu đặc biệt do Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước gửi theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 18 Thông tư này.

3. Thực hiện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 12, điểm c khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 13 Thông tư này.

4. Đầu mối phối hợp với tổ chức tín dụng và các đơn vị liên quan thực hiện các biện pháp xử lý nợ, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt để trả nợ vay tái cấp vốn của tổ chức tín dụng cho Ngân hàng Nhà nước.

5. Thông báo bằng văn bản cho Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng về các trường hợp: Công ty Quản lý tài sản đơn phương chấm dứt hợp đồng mua, bán nợ bằng trái phiếu đặc biệt đang làm cơ sở tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn; trái phiếu đặc biệt đang làm cơ sở tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn đến hạn thanh toán hoặc không còn đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh; cung cấp cho Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước các thông tin để theo dõi các trường hợp trả trước hạn nợ vay tái cấp vốn của tổ chức tín dụng quy định tại khoản 3 Điều 12 Thông tư này.

1. **Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước**

1. Vụ Chính sách tiền tệ

a) Đầu mối trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định việc tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt theo quy định tại Thông tư này;

b) Đầu mối xử lý các vướng mắc phát sinh liên quan đến quy định tại Thông tư này;

c) Phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về mức lãi suất tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt để trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định tại Nghị định số 53/2013/NĐ-CP.

2. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng

a) Có ý kiến về việc tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt theo quy định tại Thông tư này;

b) Đầu mối, phối hợp với các đơn vị liên quan trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc thực hiện quy định tại điểm d khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 13 Thông tư này;

c) Trường hợp nhận được thông báo từ cơ quan có thẩm quyền hoặc qua công tác thanh tra, giám sát phát hiện tổ chức tín dụng thuộc đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng vi phạm quy định tại Điều 15 Thông tư này, Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản thông báo vi phạm gửi tổ chức tín dụng, đồng thời gửi Vụ Chính sách tiền tệ, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước và Công ty Quản lý tài sản; văn bản thông báo vi phạm tối thiểu có nội dung về việc vi phạm của tổ chức tín dụng và biện pháp xử lý của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Thông tư này;

d) Thanh tra, giám sát và xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với tổ chức tín dụng thuộc đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trong việc thực hiện các quy định tại Thông tư này.

3. Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước

a) Có ý kiến về việc tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt theo quy định tại Thông tư này;

b) Ký hợp đồng tái cấp vốn, thực hiện phong tỏa trái phiếu đặc biệt làm cơ sở tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn, giải ngân, gia hạn, thu hồi nợ vay tái cấp vốn theo quy định tại Thông tư này, Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt đối với tổ chức tín dụng và quy định của pháp luật có liên quan;

c) Thông báo cho tổ chức tín dụng về việc thu hồi nợ vay tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt; Thực hiện các biện pháp xử lý đối với tổ chức tín dụng quy định tại điểm a, b khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều 13 Thông tư này;

d) Ngừng phong tỏa toàn bộ trái phiếu đặc biệt trong Bảng kê trái phiếu đặc biệt kèm theo Quyết định tái cấp vốn, Quyết định gia hạn tái cấp vốn sau khi tổ chức tín dụng đã trả hết nợ gốc, lãi của khoản vay tái cấp vốn. Ngừng phong tỏa trái phiếu đặc biệt sau khi tổ chức tín dụng đã trả nợ gốc, lãi vay tái cấp vốn tương ứng với trái phiếu đặc biệt theo quy định tại điểm b, c, d khoản 3 Điều 12 Thông tư này;

đ) Gửi Công ty Quản lý tài sản danh mục trái phiếu đặc biệt đã được phong tỏa, ngừng phong tỏa trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày phong tỏa, ngừng phong tỏa trái phiếu đặc biệt; Thông báo bằng văn bản cho Công ty Quản lý tài sản về việc tổ chức tín dụng không trả nợ vay tái cấp vốn theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Thông tư này để Công ty Quản lý tài sản thực hiện quy định tại điểm c khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 13 Thông tư này;

e) Trong thời hạn 07 ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo của tháng có dư nợ hoặc phát sinh thay đổi về khoản tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước báo cáo Thống đốc, đồng gửi Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Chính sách tiền tệ số liệu tái cấp vốn theo Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố:

a) Trường hợp nhận được thông báo từ cơ quan có thẩm quyền hoặc qua công tác thanh tra, giám sát phát hiện tổ chức tín dụng thuộc đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố vi phạm quy định tại Điều 15 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản thông báo vi phạm gửi tổ chức tín dụng, đồng thời gửi Vụ Chính sách tiền tệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước và Công ty Quản lý tài sản; văn bản thông báo vi phạm tối thiểu có nội dung về việc vi phạm của tổ chức tín dụng và biện pháp xử lý của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Thông tư này;

b) Thanh tra, giám sát và xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với tổ chức tín dụng thuộc đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trong việc thực hiện các quy định tại Thông tư này.

5. Vụ Tài chính - Kế toán: Hướng dẫn hạch toán kế toán liên quan đến việc tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt.

6. Cục Công nghệ thông tin:

a) Đầu mối, phối hợp với Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước và các đơn vị liên quan thiết kế xây dựng chương trình phần mềm, cài đặt chương trình phần mềm và đảm bảo hạ tầng mạng máy tính cho nghiệp vụ tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt đối với tổ chức tín dụng hoạt động ổn định, thông suốt, an toàn và bảo mật;

b) Hướng dẫn tổ chức tín dụng kết nối mạng với Ngân hàng Nhà nước để thực hiện giao dịch tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt.

 **Chương IV**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

1. **Hiệu lực thi hành**

 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm .

 2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, Thông tư số 18/2015/TT-NHNN ngày 22 tháng 10 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam hết hiệu lực thi hành.

 3. Khoản tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt còn dư nợ đến ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành tiếp tục thực hiện theo Quyết định tái cấp vốn, Quyết định gia hạn tái cấp vốn và hợp đồng tái cấp vốn đã ký. Việc sửa đổi, bổ sung Quyết định tái cấp vốn, Quyết định gia hạn tái cấp vốn và hợp đồng tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt đã ký thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

1. **Tổ chức thực hiện**

 Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty quản lý tài sản; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố và tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 20;- Ban Lãnh đạo NHNN;- Văn phòng Chính phủ;- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);- Công báo;- Lưu: VP, Vụ PC, Vụ CSTT (03 bản). | **THỐNG ĐỐC** |

**Phụ lục số 01**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2022/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước*

*quy định về tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của Công ty Quản lý tài sản*

*của các tổ chức tín dụng Việt Nam)*

**TIÊU CHÍ XEM XÉT TỶ LỆ TÁI CẤP VỐN, TỶ LỆ GIA HẠN TÁI CẤP VỐN TRÊN CƠ SỞ TRÁI PHIẾU ĐẶC BIỆT**

| **STT** | **Tiêu chí** | **Tỷ lệ tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn là 30%** | **Tỷ lệ tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn là 50%** | **Tỷ lệ tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn là 70%** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Việc tổ chức tín dụng đáp ứng điều kiện vay tái cấp vốn, gia hạn vay tái cấp vốn  |  Đáp ứng đầy đủ | Đáp ứng đầy đủ | Đáp ứng đầy đủ |
| 2 | Tình hình trích lập dự phòng rủi ro đối với trái phiếu đặc biệt | 2.1. Đã trích lập dự phòng rủi ro đối với tất cả trái phiếu đặc biệt hiện có theo quy định của pháp luật hoặc văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền trong vòng 12 tháng liền kề trước ngày tổ chức tín dụng có đề nghị vay tái cấp vốn, gia hạn vay tái cấp vốn. | 2.1. Đã trích lập dự phòng rủi ro đối với tất cả trái phiếu đặc biệt hiện có theo quy định của pháp luật hoặc văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền trong vòng 12 tháng liền kề trước ngày tổ chức tín dụng có đề nghị vay tái cấp vốn, gia hạn vay tái cấp vốn. | 2.1. Đã trích lập dự phòng rủi ro đối với tất cả trái phiếu đặc biệt hiện có theo quy định của pháp luật hoặc văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền trong vòng 12 tháng liền kề trước ngày tổ chức tín dụng có đề nghị vay tái cấp vốn, gia hạn vay tái cấp vốn. |
| 2.2. Thời hạn còn lại của trái phiếu đặc biệt từ trên 5 năm đến dưới 10 năm. | 2.2. Thời hạn còn lại của trái phiếu đặc biệt dưới 5 năm. | 2.2. Thời hạn còn lại của trái phiếu đặc biệt dưới 5 năm. |
| 3 | Tình hình tài chính của tổ chức tín dụng  | 3.1. Kết quả kinh doanh lỗ trong năm tài chính liền kề trước năm đề nghị và/hoặc có lỗ lũy kế theo báo cáo tài chính của năm tài chính liền kề trước năm đề nghị đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập. | 3.1. Kết quả kinh doanh có lãi trong năm tài chính liền kề trước năm đề nghị và không có lỗ lũy kế theo báo cáo tài chính của năm tài chính liền kề trước năm đề nghị đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập. | 3.1. Kết quả kinh doanh có lãi trong năm tài chính liền kề trước năm đề nghị và không có lỗ lũy kế theo báo cáo tài chính của năm tài chính liền kề trước năm đề nghị đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập. |
| 3.2. Kết quả kinh doanh quý gần nhất lỗ theo báo cáo tài chính của tổ chức tín dụng. | 3.2. Kết quả kinh doanh quý gần nhất có lãi theo báo cáo tài chính của tổ chức tín dụng. | 3.2. Kết quả kinh doanh quý gần nhất có lãi theo báo cáo tài chính của tổ chức tín dụng. |
| 3.3. Tỷ lệ nợ xấu từ 2% trở lên tại tháng liền kề trước tháng tổ chức tín dụng đề nghị vay tái cấp vốn, gia hạn vay tái cấp vốn. | 3.3. Tỷ lệ nợ xấu từ trên 1% đến dưới 2% tại tháng liền kề trước tháng tổ chức tín dụng đề nghị vay tái cấp vốn, gia hạn vay tái cấp vốn. | 3.3. Tỷ lệ nợ xấu từ 1% trở xuống tại tháng liền kề trước tháng tổ chức tín dụng đề nghị vay tái cấp vốn, gia hạn vay tái cấp vốn. |

***Trong đó:***

- Nguyên tắc áp dụng: Trường hợp tổ chức tín dụng không đáp ứng một trong các tiêu chí xem xét tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn tại điểm 2.2, 3.1, 3.2, 3.3 thì áp dụng tỷ lệ tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn ở mức thấp hơn tương ứng tại Bảng trên. *Ví dụ: Tổ chức tín dụng đáp ứng các tiêu chí tương ứng với tỷ lệ tái cấp vốn là 70%, riêng tỷ lệ nợ xấu trên 2% (tương ứng với tỷ lệ tái cấp vốn là 30%) thì tỷ lệ tái cấp vốn áp dụng đối với tổ chức tín dụng đó là 30%.*

- Nợ xấu được xác định theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

**Phụ lục số 02**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2022/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước*

*quy định về tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của Công ty Quản lý tài sản*

*của các tổ chức tín dụng Việt Nam)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức tín dụng****Số văn bản:….** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***......, ngày ... tháng ... năm ...* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY TÁI CẤP VỐN**

**Trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của Công ty Quản lý tài sản**

**của các tổ chức tín dụng Việt Nam**

**Kính gửi:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (qua Vụ Chính sách tiền tệ)

Tên tổ chức tín dụng: …

Địa chỉ: … Điện thoại: … Fax:…

Số hiệu tài khoản tiền gửi bằng VND: … tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

 Căn cứ Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Thông tư số /2022/TT-NHNN ngày tháng năm 2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam;

I/ Tổ chức tín dụng … đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) nhằm hỗ trợ nguồn vốn hoạt động của tổ chức tín dụng trong quá trình xử lý nợ xấu theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung như sau:

1. Số tiền đề nghị vay: (bằng số) … đồng, (bằng chữ) … đồng

2. Lãi suất: …

3. Thời hạn: …

4. Tổng mệnh giá trái phiếu đặc biệt làm cơ sở tái cấp vốn: … đồng (theo Bảng kê số … ngày …/…/… đính kèm).

II/ Tổ chức tín dụng cam kết đáp ứng đầy đủ các điều kiện tái cấp vốn quy định tại Thông tư số ….. /2022/TT-NHNN như sau:

1. Tổ chức tín dụng không trong thời gian: Bị áp dụng can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt hoặc bị xử lý vi phạm theo quy định tại Điều 15 Thông tư số /2022/TT-NHNN.

2. Tổ chức tín dụng trích lập dự phòng rủi ro theo quy định tại Nghị định số 53/2013/NĐ-CP và quy định của Ngân hàng Nhà nước đối với tất cả trái phiếu đặc biệt do tổ chức tín dụng đang sở hữu trong vòng 12 tháng liền kề trước ngày tổ chức tín dụng có Giấy đề nghị vay tái cấp vốn.

3. Tổ chức tín dụng tuân thủ các tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định tại khoản 1 Điều 130 Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung) và quy định của Ngân hàng Nhà nước trong vòng 12 tháng liền kề trước ngày tổ chức tín dụng có Giấy đề nghị vay tái cấp vốn.

4. Trái phiếu đặc biệt làm cơ sở tái cấp vốn đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 4 Thông tư số /2022/TT-NHNN.

Tổ chức tín dụng … cam kết sử dụng vốn vay tái cấp vốn hợp pháp và tự chịu trách nhiệm về mục đích sử dụng vốn của khoản tái cấp vốn; chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin, số liệu tại Hồ sơ đề nghị vay tái cấp vốn là đúng sự thật và tuân thủ các quy định về tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của VAMC./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Lưu: ... | **Người đại diện hợp pháp** **của tổ chức tín dụng***(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)* |

**Phụ lục số 03**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2022/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước*

*quy định về tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của Công ty Quản lý tài sản*

*của các tổ chức tín dụng Việt Nam)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức tín dụng****Số văn bản:….** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

 *......, ngày ... tháng ... năm ...*

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN VAY TÁI CẤP VỐN**

**Trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của Công ty Quản lý tài sản**

**của các tổ chức tín dụng Việt Nam**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (qua Vụ Chính sách tiền tệ)

Tên tổ chức tín dụng: …

Địa chỉ: … Điện thoại: … Fax:…

Số hiệu tài khoản tiền gửi bằng VND: … tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

 Căn cứ Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Thông tư số /2022/TT-NHNN ngày tháng năm 2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam;

Căn cứ tình hình khả năng chi trả của tổ chức tín dụng;

I/ Tổ chức tín dụng … đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam gia hạn tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) như sau:

1. Số tiền đề nghị gia hạn: (bằng số) … đồng, (bằng chữ) … đồng

2. Lý do đề nghị gia hạn: ……*(Nêu cụ thể lý do dẫn đến tổ chức tín dụng không thể trả hết nợ vay tái cấp vốn đúng hạn và phải đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam gia hạn)*

3. Lãi suất: …

4. Thời gian đề nghị gia hạn: …

5. Tổng mệnh giá trái phiếu đặc biệt làm cơ sở gia hạn tái cấp vốn: … đồng (theo Bảng kê số … ngày …/…/… đính kèm).

6. Dự kiến nguồn trả nợ vay tái cấp vốn: …

II/ Tổ chức tín dụng cam kết đáp ứng đầy đủ các điều kiện gia hạn tái cấp vốn quy định tại Thông tư số /2022/TT-NHNN như sau:

1. Tổ chức tín dụng không trong thời gian: Bị áp dụng can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt hoặc bị xử lý vi phạm theo quy định tại Điều 15 Thông tư số ….. /2022/TT-NHNN.

2. Tổ chức tín dụng trích lập dự phòng rủi ro theo quy định tại Nghị định số 53/2013/NĐ-CP và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước đối với tất cả trái phiếu đặc biệt do tổ chức tín dụng đang sở hữu trong vòng 12 tháng liền kề trước ngày tổ chức tín dụng có Giấy đề nghị gia hạn vay tái cấp vốn.

3. Tổ chức tín dụng gặp khó khăn về khả năng chi trả.

4. Trái phiếu đặc biệt làm cơ sở gia hạn tái cấp vốn đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 4 Thông tư số /2022/TT-NHNN và tổng mệnh giá trái phiếu đặc biệt làm cơ sở gia hạn tái cấp vốn phải đảm bảo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số /2022/TT-NHNN.

Tổ chức tín dụng … cam kết và chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin, số liệu tại Hồ sơ đề nghị gia hạn vay tái cấp vốn là đúng sự thật và tuân thủ các quy định về tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của VAMC./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Lưu: ... | **Người đại diện hợp pháp** **của tổ chức tín dụng***(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)* |

**Phụ lục số 04**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2022/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước*

*quy định về tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của Công ty Quản lý tài sản*

*của các tổ chức tín dụng Việt Nam)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức tín dụng****Số văn bản:….** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BẢNG KÊ TRÁI PHIẾU ĐẶC BIỆT LÀM CƠ SỞ VAY TÁI CẤP VỐN/**

**GIA HẠN VAY TÁI CẤP VỐN TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

*Ngày … tháng … năm …*

*Đơn vị: đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã****trái phiếu đặc biệt** | **Ngày phát hành** | **Ngày đến hạn** | **Mệnh giá trái phiếu đặc biệt** | **Dự phòng rủi ro đã trích lập đối với trái phiếu đặc biệt** | **Số thu hồi nợ xấu**  | **Mệnh giá trái phiếu đặc biệt sau khi trừ dự phòng rủi ro và số thu hồi nợ xấu**  |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) = (5) – (6) – (7) |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** |  |  | … | … | … | … |

*Tổ chức tín dụng cam kết và chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin, số liệu tại Bảng kê này là chính xác, trái phiếu đặc biệt tại Bảng kê đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 4 Thông tư số /2022/TT-NHNN quy định về tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.*

*…, ngày … tháng … năm …*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Lập biểu***(Ký, ghi rõ họ tên)* | **Kiểm soát***(Ký, ghi rõ họ tên)* | **Người đại diện hợp pháp của****tổ chức tín dụng***(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)* |

 ***Hướng dẫn lập Bảng kê:***

 - Các số liệu, thông tin về trái phiếu đặc biệt tính đến thời điểm gần nhất khi tổ chức tín dụng gửi Hồ sơ đề nghị vay tái cấp vốn, gia hạn vay tái cấp vốn theo quy định tại Điều 10 hoặc bảng kê trái phiếu đặc biệt cập nhật theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư số…….. /2022/TT-NHNN.

 - Cột (2): Liệt kê theo thứ tự mã trái phiếu đặc biệt.

 - Cột (7): Số thu hồi nợ xấu là giá trị của toàn bộ các khoản thu được bằng tiền, bằng tài sản từ việc thu hồi, xử lý, bán nợ, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản.

 - Cột (8): Giá trị phải lớn hơn 0 và phải đảm bảo nguyên tắc: Tổng giá trị tại cột (8) . Trong đó, ST là số tiền tổ chức tín dụng đề nghị vay tái cấp vốn, gia hạn vay tái cấp vốn; TL là tỷ lệ tái cấp vốn, tỷ lệ gia hạn tái cấp vốn do tổ chức tín dụng tự xác định theo quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số /2022/TT-NHNN.

**Phụ lục số 05**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2022/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước*

*quy định về tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của Công ty Quản lý tài sản*

*của các tổ chức tín dụng Việt Nam)*

|  |  |
| --- | --- |
| NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚCVIỆT NAM**SỞ GIAO DỊCH**Số văn bản: …. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***…, ngày … tháng … năm …* |

**BẢNG KÊ SỐ DƯ TRÁI PHIẾU ĐẶC BIỆT CỦA … (tên tổ chức tín dụng) ĐANG LƯU KÝ TẠI SỞ GIAO DỊCH LÀM CƠ SỞ TÁI CẤP VỐN HOẶC**

**GIA HẠN TÁI CẤP VỐN**

*Ngày … tháng … năm …*

*Đơn vị: đồng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã****trái phiếu đặc biệt** | **Ngày phát hành** | **Ngày đến hạn** | **Mệnh giá trái phiếu đặc biệt** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |
| **Tổng** |  |  | … |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Lập biểu***(Ký, ghi rõ họ tên)* | **Kiểm soát***(Ký, ghi rõ họ tên)* | **Thủ trưởng đơn vị***(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)* |

 ***Hướng dẫn lập Bảng kê:***

 - Các thông tin, số liệu tính đến thời điểm gần nhất khi Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước gửi Bảng kê.

 - Cột (2): Liệt kê theo thứ tự mã trái phiếu đặc biệt.

**Phụ lục số 06**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2022/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước*

*quy định về tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của Công ty Quản lý tài sản*

*của các tổ chức tín dụng Việt Nam)*

|  |  |
| --- | --- |
| NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚCVIỆT NAM**CÔNG TY QUẢN LÝ TÀI SẢN**Số văn bản: …. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***…, ngày … tháng … năm …* |

**BẢNG KÊ TRÁI PHIẾU ĐẶC BIỆT LÀM CƠ SỞ TÁI CẤP VỐN HOẶC**

**GIA HẠN TÁI CẤP VỐN ĐỐI VỚI … (tên tổ chức tín dụng)**

*Ngày … tháng … năm …*

*Đơn vị: đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã****trái phiếu đặc biệt** | **Ngày phát hành** | **Ngày đến hạn** | **Mệnh giá trái phiếu đặc biệt** | **Dự phòng rủi ro đã trích lập đối với trái phiếu đặc biệt** | **Số thu hồi nợ xấu**  | **Mệnh giá trái phiếu đặc biệt sau khi trừ dự phòng rủi ro và số thu hồi nợ xấu**  |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) = (5) – (6) – (7) |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** |  |  | … | … | … | … |

***Ghi chú: Số liệu dự phòng rủi ro đã trích lập đối với trái phiếu đặc biệt do tổ chức tín dụng báo cáo và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của số liệu này.***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Lập biểu***(Ký, ghi rõ họ tên)* | **Kiểm soát***(Ký, ghi rõ họ tên)* | **Thủ trưởng đơn vị***(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)* |

***Hướng dẫn lập Bảng kê:***

 - Các thông tin, số liệu tính đến thời điểm gần nhất khi Công ty Quản lý tài sản gửi Bảng kê.

 - Cột (2): Liệt kê theo thứ tự mã trái phiếu đặc biệt.

 - Cột (7): Số thu hồi nợ xấu là giá trị của toàn bộ các khoản thu được bằng tiền, bằng tài sản từ việc thu hồi, xử lý, bán nợ, tài sản đảm bảo của khoản nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản.

 - Cột (8): Giá trị phải lớn hơn 0.

**Phụ lục số 07**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2022/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt*

*của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức tín dụng** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số văn bản: …. | *…, ngày … tháng … năm …* |

**BÁO CÁO TRẢ TRƯỚC HẠN NỢ VAY TÁI CẤP VỐN TRÊN CƠ SỞ TRÁI PHIẾU ĐẶC BIỆT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG VIỆT NAM**

*Đơn vị: đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Số hiệu Quyết định tái cấp vốn** | **Số tiền trả nợ gốc** | **TPĐB tương ứng với trả nợ trước hạn của tổ chức tín dụng** |
| **Số tiền** | **Ngày** | **Mã TPĐB** | **Mệnh giá TPĐB (MGi)** | **Số nợ gốc vay tái cấp vốn đã được trả trước hạn (ĐTi)** | **Số nợ gốc vay tái cấp vốn phải trả đối với TPĐB (PTi)** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) = (6) - (7) |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng số** |  |  |  |  |  |  |

*…, ngày … tháng … năm …*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Lập biểu**(Ký, ghi rõ họ tên) | **Kiểm soát**(Ký, ghi rõ họ tên) | **Người đại diện hợp pháp của****tổ chức tín dụng**(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu) |

***1. Hướng dẫn lập báo cáo:***

- Cột (6), (7), (8): Số liệu đối với từng trái phiếu đặc biệt tương ứng với việc trả nợ trước hạn của TCTD; Mệnh giá TPĐB (MGi), số nợ gốc vay tái cấp vốn đã được trả trước hạn (ĐTi), số nợ gốc vay tái cấp vốn phải trả đối với TPĐB (PTi) được xác định theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 Thông tư số …./2022/TT-NHNN;

 - Số liệu cột (3) phải lớn hơn hoặc bằng số liệu cột (8).

***2. Đơn vị nhận báo cáo:*** Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Công ty Quản lý tài sản, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Chính sách tiền tệ.

***3. Phương thức gửi báo cáo:*** Báo cáo dưới hình thức văn bản giấy, gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

***4. Thời gian chốt số liệu báo cáo:*** Số liệu chốt theo từng lần trả trước hạn nợ vay tái cấp vốn của tổ chức tín dụng theo quy định tại điểm b, c, d khoản 3 Điều 12 Thông tư số .…./2022/TT-NHNN.

**Phụ lục số 08**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2022/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt*

*của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam)*

|  |  |
| --- | --- |
| NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚCVIỆT NAM**SỞ GIAO DỊCH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số văn bản: …. | *…, ngày … tháng … năm …* |

**BÁO CÁO SỐ LIỆU TÁI CẤP VỐN TRÊN CƠ SỞ TRÁI PHIẾU ĐẶC BIỆT**

**CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG VIỆT NAM**

*Tháng … năm …*

*Đơn vị: đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên TCTD** | **Số hiệu Quyết định tái cấp vốn** | **Số tiền NHNN chấp thuận tái cấp vốn** | **Giải ngân** | **Thu nợ** | **Chuyển quá hạn** | **Chuyển thành cho vay đặc biệt** | **Dư nợ cuối tháng báo cáo** |
| **Số tiền** | **Ngày** | **Số tiền** | **Ngày** | **Số tiền** | **Ngày** | **Số tiền** | **Ngày** | **Tái cấp vốn trong hạn** | **Tái cấp vốn quá hạn** | **Cho vay đặc biệt** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng số** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*…, ngày … tháng … năm …*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Lập biểu**(Ký, ghi rõ họ tên) | **Kiểm soát**(Ký, ghi rõ họ tên) | **Giám đốc** (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu) |

***Nơi nhận:***

- Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (để báo cáo);

- Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng;

- Vụ Chính sách tiền tệ;

- Lưu: …

***Hướng dẫn lập báo cáo:***

- Cột (5), (7), (9), (11), (13), (14): Số liệu nợ gốc tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt đối với tổ chức tín dụng.

- Cột (15): Dư nợ gốc cho vay đặc biệt do dư nợ gốc tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt chuyển thành.